

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3086/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy chế quản lý hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

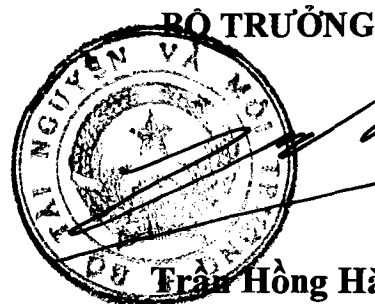
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2017.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Pháp chế, Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHCN, PC, VHD (50).

m G h



Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUY CHẾ
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA
VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số ..3086../QĐ-BTNMT
ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (sau đây gọi là tiêu chuẩn); xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (sau đây gọi là quy chuẩn) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tới các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Lĩnh vực tiêu chuẩn

1. Tiêu chuẩn về môi trường;
2. Tiêu chuẩn về địa chất, khoáng sản;
3. Tiêu chuẩn về khí tượng, thủy văn;
4. Tiêu chuẩn về tài nguyên nước;
5. Tiêu chuẩn về đo đạc bản đồ;
6. Tiêu chuẩn về đất đai;
7. Tiêu chuẩn về viễn thám;
8. Tiêu chuẩn về biển, hải đảo;
9. Tiêu chuẩn về thông tin tư liệu tài nguyên và môi trường;
10. Các lĩnh vực tiêu chuẩn khác theo yêu cầu quản lý trong từng thời kỳ.

Điều 3. Lĩnh vực quy chuẩn

1. Các lĩnh vực chuyên ngành được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 23 Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.
2. Các lĩnh vực khác theo yêu cầu quản lý trong từng thời kỳ.

Chương II

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

Điều 4. Quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn

1. Quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia của Bộ Tài nguyên và Môi trường phải đồng bộ, phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Nội dung của quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn:

- a) Chuyên ngành, lĩnh vực, đối tượng cần xây dựng tiêu chuẩn;
- b) Tổng số tiêu chuẩn cho từng chuyên ngành, lĩnh vực, đối tượng;
- c) Lộ trình thực hiện;
- d) Nguồn lực để đáp ứng yêu cầu xây dựng tiêu chuẩn cho từng giai đoạn;
- đ) Các biện pháp thực hiện.

3. Lập, phê duyệt, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn:

a) Căn cứ chiến lược, quy hoạch phát triển ngành và tổng hợp đề xuất của các tổ chức, cá nhân có liên quan, các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, đề xuất quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân công quản lý theo mẫu tại Phụ lục 1 Quy chế này gửi Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp. Thời gian lập quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo yêu cầu lập quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia chung của Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định gửi Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn;

c) Quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn được điều chỉnh, bổ sung trong trường hợp cần thiết theo định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và chiến lược, quy hoạch phát triển của ngành. Trình tự, thủ tục điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tiêu chuẩn được thực hiện như quy định tại khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều này.

Điều 5. Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn năm (05) năm

1. Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn năm (05) năm phải phù hợp với quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn đã được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu quản lý, phù hợp với trình độ phát triển khoa học và công nghệ theo từng thời kỳ.

2. Nội dung kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn năm (05) năm:

- a) Tổng kết, phân tích, đánh giá hiện trạng triển khai, áp dụng hệ thống tiêu

chuẩn theo từng lĩnh vực chuyên ngành;

b) Phân tích đánh giá hiện trạng về trình độ khoa học và công nghệ của lĩnh vực chuyên ngành;

c) Dự báo nhu cầu về tiêu chuẩn trong giai đoạn năm năm, xác định đối tượng cụ thể cần xây dựng tiêu chuẩn;

d) Đề xuất kế hoạch năm năm theo mẫu tại Phụ lục 2 Quy chế này.

3. Lập, phê duyệt, điều chỉnh và bổ sung kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn năm (05) năm:

a) Quý II năm cuối của kỳ kế hoạch năm năm, căn cứ nhu cầu của ngành và đề xuất của các tổ chức, cá nhân có liên quan, các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn năm (05) năm tiếp theo thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành được giao gửi về Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, thẩm tra, xây dựng dự thảo kế hoạch năm (05) năm của Bộ gửi lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân có liên quan; hoàn thiện dự thảo kế hoạch năm (05) năm theo mẫu tại Phụ lục 2 Quy chế này; trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định gửi Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Kế hoạch năm (05) năm xây dựng tiêu chuẩn có thể được điều chỉnh, bổ sung theo đề nghị của các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ. Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm (05) năm thực hiện theo quy định tại khoản 2 và điểm a, b khoản này.

Điều 6. Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn hằng năm

1. Yêu cầu đối với kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn hằng năm:

a) Phù hợp với kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn năm (05) năm đã được phê duyệt;

b) Trong kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Nội dung của kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn hằng năm:

a) Đánh giá thực hiện kế hoạch năm trước: tổng kết, đánh giá thực hiện kế hoạch năm trước; nhu cầu cấp thiết xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ tiêu chuẩn;

b) Đề xuất kế hoạch hằng năm: tên tiêu chuẩn cần xây dựng được sắp xếp theo lĩnh vực; tên tổ chức biên soạn dự thảo; thời gian thực hiện; phương thức xây dựng dự thảo (chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng mới; sửa đổi, bổ sung); kinh phí dự kiến và nguồn kinh phí;

c) Dự kiến kế hoạch phổ biến, hướng dẫn áp dụng.

3. Lập kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn hằng năm:

a) Cuối quý I hằng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo tới các đơn vị thuộc Bộ yêu cầu đề xuất dự án xây dựng tiêu chuẩn ngành tài nguyên và môi trường cho năm sau;

b) Căn cứ vào kế hoạch năm (05) năm đã được phê duyệt, các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng kế hoạch cho năm sau theo mẫu tại Phụ lục 2 Quy chế này kèm theo dự án xây dựng tiêu chuẩn theo mẫu tại Phụ lục 3 Quy chế này gửi về Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ để tổng hợp, rà soát đưa vào kế hoạch hằng năm của lĩnh vực chuyên ngành;

c) Căn cứ đề xuất của Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành, Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, rà soát xây dựng dự thảo Kế hoạch hằng năm, gửi lấy ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân có liên quan. Trường hợp còn ý kiến khác nhau, Vụ Khoa học và Công nghệ báo cáo lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

4. Phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn hằng năm:

a) Căn cứ ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân có liên quan, Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định gửi Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Sau khi kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn hằng năm được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, Vụ Khoa học và Công nghệ thông báo tới các cơ quan, tổ chức có liên quan.

5. Thực hiện kế hoạch hằng năm:

a) Căn cứ kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn hằng năm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường giao nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn theo Quyết định giao kế hoạch hằng năm về khoa học và công nghệ cho các đơn vị trực thuộc Bộ;

b) Các đơn vị trực thuộc Bộ phê duyệt dự án xây dựng tiêu chuẩn theo mẫu tại Phụ lục 3 Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Bộ về chất lượng tiêu chuẩn do các tổ chức, cá nhân thuộc đơn vị mình thực hiện;

c) Quy trình triển khai dự án xây dựng tiêu chuẩn được thực hiện theo các quy định hiện hành và Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 1-1:2015 Xây dựng tiêu chuẩn - Phần 1: Quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia;

d) Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu, các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ báo cáo Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) về tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn.

6. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch:

a) Căn cứ nhu cầu cấp thiết và đề xuất điều chỉnh, bổ sung của các Tổng cục, Cục, Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Thời điểm điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thực hiện theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trình tự điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 7. Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng tiêu chuẩn thành lập Tổ biên soạn để xây dựng dự thảo tiêu chuẩn. Tổ biên soạn có trách nhiệm biên soạn dự thảo tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 và điểm c, khoản 3 Điều này.

2. Biên soạn dự thảo tiêu chuẩn:

a) Thu thập, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến Dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia;

b) Khảo sát, đánh giá thực trạng liên quan đến đối tượng quản lý và nội dung chính của Dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (nếu có);

c) Thực hiện các công việc khác có liên quan phục vụ xây dựng dự thảo;

d) Tổ chức biên soạn dự thảo tiêu chuẩn; bố cục trình bày nội dung tiêu chuẩn theo quy định tại các tiêu chuẩn: TCVN 1-1:2015, TCVN 6709-1:2007 (ISO/IEC Guide 21-1:2005) và TCVN 6709-2:2007 (ISO/IEC Guide 21-2:2005).

3. Lấy ý kiến, hoàn chỉnh và lập hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn:

a) Đơn vị chủ trì trình Lãnh đạo Bộ gửi dự thảo tiêu chuẩn kèm theo thuyết minh theo mẫu tại phụ lục 5 Quy chế này đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó, Điểm thông báo và hỏi đáp của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Điểm TBT) là địa chỉ bắt buộc; đồng thời thông báo về việc lấy ý kiến trên trang tin điện tử (website) của đơn vị trực thuộc Bộ được giao chủ trì xây dựng tiêu chuẩn và của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thời gian xin ý kiến góp ý cho dự thảo ít nhất 60 ngày, kể từ ngày gửi dự thảo lấy ý kiến;

b) Đơn vị chủ trì tổ chức hội thảo để thảo luận và góp ý cho dự thảo;

c) Tổ soạn thảo xử lý, tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo;

d) Đơn vị chủ trì lập hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 8 gửi Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để tiến hành thẩm tra.

Điều 8. Thẩm tra Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn

1. Sau khi nhận được hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này, chậm nhất sau 15 ngày, Vụ Khoa học và Công nghệ trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Tổ thẩm tra. Số lượng thành viên Tổ thẩm tra không quá 5 người, trong đó, lãnh đạo Vụ Khoa học và Công nghệ là tổ trưởng, đại diện Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ là thành viên.

2. Nội dung thẩm tra:

- a) Tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn;
- b) Tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục xây dựng tiêu chuẩn;
- c) Tuân thủ các yêu cầu nghiệp vụ xây dựng tiêu chuẩn;
- d) Sự phù hợp của các căn cứ kỹ thuật, tài liệu viện dẫn;
- đ) Đánh giá khả năng áp dụng tiêu chuẩn;
- e) Các ý kiến khác (nếu có)

3. Hợp thẩm tra:

a) Tổ thẩm tra tiến hành họp khi có Tổ trưởng và ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Tổ thẩm tra viết bản nhận xét theo mẫu tại Phụ lục 6 Quy chế này. Tổ thẩm tra thảo luận các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này và lập Biên bản kết quả thẩm tra theo mẫu tại phụ lục 7 Quy chế này;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo kết quả thẩm tra cho đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng tiêu chuẩn để chỉnh sửa, hoàn thiện.

4. Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn đề nghị thẩm tra:

a) Công văn đề nghị thẩm tra Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn của đơn vị được giao chủ trì xây dựng tiêu chuẩn gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Vụ Khoa học và Công nghệ);

b) Quyết định phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn hằng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ, trong đó có nhiệm vụ thực hiện dự án xây dựng tiêu chuẩn của cơ quan, tổ chức biên soạn;

c) Dự án xây dựng tiêu chuẩn đã được phê duyệt;

d) Báo cáo quá trình xây dựng dự thảo tiêu chuẩn;

đ) Thuyết minh dự thảo tiêu chuẩn theo mẫu tại phụ lục 5 Quy chế này;

e) Dự thảo tiêu chuẩn (bao gồm cả văn bản dự thảo và file điện tử) kèm bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo tiêu chuẩn và các tài liệu tham khảo khác;

g) Danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân được gửi dự thảo tiêu chuẩn để lấy ý kiến; bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý;

h) Các văn bản, tài liệu khác (nếu có).

Điều 9. Lập hồ sơ đề nghị thẩm định và công bố tiêu chuẩn

1. Sau khi nhận được kết quả thẩm tra, trong vòng 7 ngày, đơn vị được giao chủ trì xây dựng tiêu chuẩn phải hoàn thiện hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn gửi Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để làm thủ tục chuyển Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định. Trong trường hợp cần bổ sung ý kiến các bộ, ngành, tổ chức, cá

nhân có liên quan, thời gian có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày. Trường hợp không nhất trí với ý kiến thẩm tra của Bộ, đơn vị chủ trì có thể bảo lưu ý kiến, ghi rõ lý do trong báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm tra.

2. Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn đề nghị thẩm định:

a) Các văn bản/tài liệu được quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này, trong đó, các mục d, đ, e phải được cập nhật các thông tin, sửa chữa, hoàn thiện theo kết quả thẩm tra;

b) Công văn của Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định;

c) Biên bản thẩm tra hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo mẫu tại Phụ lục 7 Quy chế này;

d) Bản giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm tra của đơn vị được giao chủ trì xây dựng tiêu chuẩn.

3. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Trường hợp nhất trí với ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, trong vòng 15 ngày, đơn vị được giao chủ trì xây dựng dự thảo tiêu chuẩn phải chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định và lập hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn đề nghị công bố;

b) Trường hợp không nhất trí với ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, đơn vị chủ trì báo cáo Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để có văn bản giải trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn đề nghị công bố:

a) Dự thảo tiêu chuẩn đã tiếp thu chỉnh sửa ý kiến thẩm định (07 bản giấy và 01 bản điện tử);

b) Bản giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định kèm bản sao Văn bản thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Công văn gửi Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ);

5. Đề nghị công bố tiêu chuẩn:

a) Đơn vị chủ trì xây dựng tiêu chuẩn gửi hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn đề nghị công bố về Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ);

b) Trong vòng 5 ngày làm việc, Vụ Khoa học và Công nghệ rà soát, trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Điều 10. Rà soát định kỳ tiêu chuẩn

1. Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ tổ chức rà soát tiêu chuẩn định kỳ ba (03) năm kể từ ngày có Quyết định công bố tiêu chuẩn của Bộ Khoa học và Công nghệ; rà soát đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Hồ sơ rà soát định kỳ tiêu chuẩn bao gồm: tờ trình của Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ về kết quả rà soát tiêu chuẩn; kế hoạch sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ tiêu chuẩn; các tài liệu khác liên quan (nếu có).

Điều 11. Đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ tiêu chuẩn

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế tiêu chuẩn do Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ rà soát, đề xuất được đưa vào kế hoạch hằng năm xây dựng tiêu chuẩn và thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 6 Quy chế này.

2. Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ lập hồ sơ đề nghị hủy bỏ tiêu chuẩn gửi về Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để trình Bộ trưởng xem xét, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và công bố hủy bỏ tiêu chuẩn.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ tiêu chuẩn:

a) Văn bản đề nghị hủy bỏ tiêu chuẩn của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Bản tiêu chuẩn đề nghị hủy bỏ;

c) Bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học);

d) Ý kiến của các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan về việc hủy bỏ tiêu chuẩn trong quá trình rà soát định kỳ;

đ) Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

Chương III

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 12. Quy hoạch xây dựng quy chuẩn

1. Yêu cầu đối với quy hoạch xây dựng quy chuẩn:

a) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, chiến lược, quy hoạch phát triển của ngành và lĩnh vực;

b) Phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

2. Nội dung quy hoạch xây dựng quy chuẩn:

a) Chuyên ngành, lĩnh vực, đối tượng cần xây dựng quy chuẩn;

b) Tổng số quy chuẩn cho từng chuyên ngành, lĩnh vực, đối tượng;

c) Lộ trình thực hiện;

d) Nguồn lực để đáp ứng yêu cầu xây dựng quy chuẩn cho từng giai đoạn;

đ) Các biện pháp thực hiện.

3. Lập, phê duyệt, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch xây dựng quy chuẩn:

a) Căn cứ chiến lược, quy hoạch phát triển ngành; yêu cầu quản lý nhà nước từng thời kỳ và đề nghị của tổ chức, cá nhân có liên quan, các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ đề xuất quy hoạch xây dựng quy chuẩn thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo mẫu tại Phụ lục 1 Quy chế này gửi Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ). Thời điểm xây dựng quy hoạch phù hợp với thời điểm xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển của ngành và lĩnh vực;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt; thông báo công khai trên trang tin điện tử (website) của Bộ trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phê duyệt và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Quy hoạch xây dựng quy chuẩn có thể được điều chỉnh, bổ sung theo đề nghị của các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ. Việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm a, b khoản này.

Điều 13. Kế hoạch xây dựng quy chuẩn năm (05) năm

1. Yêu cầu đối với kế hoạch xây dựng quy chuẩn năm (05) năm:

a) Phù hợp với quy hoạch xây dựng quy chuẩn đã được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu quản lý, phù hợp với trình độ phát triển khoa học và công nghệ theo từng thời kỳ;

b) Phải thể hiện tính hệ thống, tính đồng bộ đối với các lĩnh vực và đối tượng cần xây dựng quy chuẩn, được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên phù hợp với yêu cầu quản lý cho từng năm.

2. Nội dung kế hoạch xây dựng quy chuẩn năm (05) năm:

a) Tổng kết, phân tích, đánh giá hiện trạng triển khai, áp dụng hệ thống quy chuẩn theo từng lĩnh vực chuyên ngành;

b) Phân tích đánh giá hiện trạng về trình độ khoa học và công nghệ của lĩnh vực chuyên ngành;

c) Dự báo nhu cầu về quản lý trong giai đoạn năm năm, nhu cầu thực tế và luận giải tính cấp thiết để xác định đối tượng cụ thể cần xây dựng quy chuẩn;

d) Đề xuất kế hoạch năm (05) năm theo mẫu tại Phụ lục 2 Quy chế này.

3. Lập, phê duyệt, điều chỉnh và bổ sung kế hoạch xây dựng quy chuẩn năm (05) năm:

a) Quý II năm cuối của kỳ kế hoạch năm (05) năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo trên cổng thông tin điện tử của Bộ để các Bộ ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan đề xuất kế hoạch xây dựng quy chuẩn ngành tài nguyên và môi trường cho giai đoạn 5 năm tiếp theo gửi về các Tổng

cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ để xây dựng kế hoạch năm (05) năm theo từng chuyên ngành;

b) Các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ tổ chức lập kế hoạch xây dựng quy chuẩn năm (05) năm tiếp theo thuộc lĩnh vực quản lý được giao căn cứ nhu cầu quản lý của ngành và đề xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan gửi về Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp;

c) Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm tra và xây dựng dự thảo kế hoạch xây dựng quy chuẩn năm (05) năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường; gửi lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân có liên quan và thông báo trên trang tin điện tử (website) của Bộ ít nhất 60 ngày; trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn năm (05) năm; thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và công khai trên trang tin điện tử (website) của Bộ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phê duyệt và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Kế hoạch xây dựng quy chuẩn năm (05) năm có thể được điều chỉnh, bổ sung theo đề nghị của các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ. Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 và điểm b, c khoản 3 Điều này.

Điều 14. Kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm

1. Yêu cầu đối với kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm:

a) Phù hợp với kế hoạch năm (05) năm đã được phê duyệt;

b) Trong kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Nội dung của kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm:

a) Đánh giá thực hiện kế hoạch năm trước: tổng kết, đánh giá thực hiện kế hoạch năm trước; nhu cầu cấp thiết xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quy chuẩn; đánh giá tính khả thi;

b) Đề xuất kế hoạch hằng năm: tên quy chuẩn cần xây dựng được sắp xếp theo lĩnh vực; tên tổ chức biên soạn dự thảo; thời gian thực hiện; phương thức xây dựng dự thảo (chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng mới; sửa đổi, bổ sung); kinh phí dự kiến và nguồn kinh phí;

c) Dự kiến kế hoạch phổ biến, hướng dẫn áp dụng.

3. Lập kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm:

a) Cuối quý I hằng năm, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động đề xuất yêu cầu điều chỉnh, xây dựng mới quy chuẩn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi về các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành của Bộ Tài nguyên và Môi trường để rà soát, tổng hợp;

b) Các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành đề xuất kế hoạch xây dựng quy chuẩn cho năm sau trên cơ sở rà soát, tổng hợp đề xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên. Kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục 2 Quy chế này) và dự án xây dựng quy chuẩn (theo mẫu tại Phụ lục 4 Quy chế này) được gửi kèm Công văn về Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ);

c) Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đánh giá sự cấp thiết và đề xuất dự thảo kế hoạch xây dựng quy chuẩn của năm tiếp theo. Dự thảo kế hoạch được gửi tới: Bộ Khoa học và Công nghệ; tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến góp ý và thông báo trên trang tin điện tử (website) của Bộ. Thời gian lấy ý kiến ít nhất 30 ngày kể từ ngày gửi dự thảo kế hoạch lấy ý kiến.

4. Phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm:

a) Căn cứ ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Vụ Khoa học và Công nghệ rà soát, thống nhất với các đơn vị có liên quan, hoàn thiện kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm để trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Vụ Pháp chế công khai kế hoạch xây dựng quy chuẩn trên trang tin điện tử (website) của Bộ trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày phê duyệt và thông báo tới Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng theo quy định;

5. Thực hiện kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm:

a) Căn cứ vào Kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm đã được phê duyệt, các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ phê duyệt Dự án xây dựng quy chuẩn theo mẫu tại Phụ lục 4 Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Bộ về chất lượng quy chuẩn do các cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực quản lý của mình thực hiện;

b) Dự án xây dựng quy chuẩn được thực hiện theo các quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành;

c) Vụ Khoa học và Công nghệ tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm;

d) Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất, các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ gửi báo cáo tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm về Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

6. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm:

a) Trong trường hợp cấp thiết, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đề xuất với Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ để có văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ rà soát, tiến hành các thủ tục cần thiết để trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng quy chuẩn hằng năm. Trình tự, thủ tục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 15. Xây dựng dự thảo quy chuẩn

1. Các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng quy chuẩn đề xuất thành viên và trình Bộ thành lập Ban soạn thảo. Ban soạn thảo có trách nhiệm biên soạn dự thảo quy chuẩn theo quy định tại khoản 2 và điểm c, khoản 3 Điều này.

2. Biên soạn dự thảo quy chuẩn:

a) Thu thập, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến Dự án xây dựng quy chuẩn quốc gia;

b) Khảo sát, đánh giá thực trạng liên quan đến đối tượng quản lý và nội dung chính của Dự án xây dựng quy chuẩn quốc gia;

c) Thực hiện các công việc khác có liên quan phục vụ xây dựng dự thảo (hội nghị, hội thảo, lấy ý kiến chuyên gia ...);

d) Tổ chức biên soạn dự thảo quy chuẩn; trình bày, thể hiện nội dung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 30/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN; mẫu tại Phụ lục 8 và Phụ lục 9 Quy chế này.

3. Lấy ý kiến, hoàn chỉnh và lập hồ sơ dự thảo quy chuẩn đề nghị thẩm tra:

a) Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ trình Lãnh đạo Bộ ký Công văn gửi dự thảo quy chuẩn và thuyết minh (theo mẫu tại Phụ lục 5 Quy chế này) xin ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó, Điểm thông báo và hỏi đáp của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Điểm TBT) là địa chỉ bắt buộc. Dự thảo quy chuẩn phải đồng thời được đăng tải lấy ý kiến trên trang tin điện tử (website) của Bộ Tài nguyên và Môi trường và của Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ được giao chủ trì xây dựng quy chuẩn. Thời gian xin ý kiến góp ý cho dự thảo ít nhất 60 ngày, kể từ ngày gửi dự thảo lấy ý kiến.

Trong trường hợp cấp thiết liên quan đến sức khỏe, an toàn, môi trường, thời gian lấy ý kiến cho dự thảo quy chuẩn có thể rút ngắn hơn theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, song không ít hơn 45 ngày;

b) Đơn vị chủ trì tổ chức hội thảo chuyên đề để thảo luận và góp ý kiến cho dự thảo;

c) Ban soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn chỉnh dự thảo;

d) Đơn vị chủ trì lập hồ sơ dự thảo quy chuẩn đề nghị thẩm tra gửi Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ). Hồ sơ đề nghị thẩm tra áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy chế này, trong đó điểm b khoản 4 được thay thế bằng Quyết định phê duyệt Kế hoạch xây dựng quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường của năm thực hiện.

4. Trường hợp cần thiết phải xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mang tính liên ngành, Vụ khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 16. Thẩm tra, thẩm định hồ sơ dự thảo quy chuẩn

1. Thẩm tra Hồ sơ dự thảo quy chuẩn:

a) Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì thẩm tra hồ sơ dự thảo quy chuẩn, trình tự áp dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

b) Vụ Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả thẩm tra cho Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ, đồng thời gửi Vụ Pháp chế, Bộ Tài nguyên và Môi trường để phối hợp quản lý;

c) Trong trường hợp cần thiết khi có nhiều ý kiến khác biệt, Vụ Khoa học và Công nghệ đề nghị Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ chủ trì tổ chức họp các bên liên quan để thống nhất trước khi gửi Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị thẩm định.

2. Căn cứ vào kết quả thẩm tra, Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ dự thảo quy chuẩn gửi về Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để có Công văn đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định. Các bước thực hiện áp dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

Điều 17. Ban hành quy chuẩn

1. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Trường hợp nhất trí với ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, đơn vị chủ trì hoàn thiện hồ sơ dự thảo quy chuẩn theo ý kiến thẩm định;

b) Trường hợp không nhất trí với ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, đơn vị chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ có văn bản giải trình trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, chỉ đạo.

2. Sau khi hoàn thiện hồ sơ dự thảo quy chuẩn, Tổng cục, Cục được giao chủ trì xây dựng quy chuẩn lập hồ sơ xây dựng Thông tư của Bộ trưởng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia gửi Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ Pháp chế) để tiến hành thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Việc quản lý và cấp mã số quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường do Vụ Khoa học và Công nghệ thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 18. Đăng ký quy chuẩn

1. Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ hoàn thiện Hồ sơ đăng ký quy chuẩn gửi Bộ (qua Vụ Khoa học Công nghệ) để thực hiện đăng ký với Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất 15 ngày kể từ ngày ban hành theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

2. Hồ sơ đăng ký quy chuẩn:

- a) Bản đăng ký quy chuẩn theo mẫu tại Phụ lục 10 Quy chế này;
- b) Bản sao quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;
- c) Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Điều 19. Thông báo về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quy chuẩn

1. Quy chuẩn được ban hành phải được đăng trên trang tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường và công báo theo quy định.

2. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quy chuẩn được thực hiện định kỳ năm (05) năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trình tự thủ tục thực hiện áp dụng theo Điều 10, Điều 11 Quy chế này.

3. Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ thông báo việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quy chuẩn trên trang tin điện tử (website) của Bộ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quy chuẩn.

Điều 20. Xuất bản và phát hành quy chuẩn

Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành chủ trì phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ Pháp chế tổ chức thực hiện kế hoạch xuất bản và phát hành quy chuẩn theo quy định hiện hành.

Điều 21. Phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn

1. Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Việc phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn cần được thực hiện ngay sau khi quy chuẩn kỹ thuật được ban hành thông qua các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo và các hình thức thích hợp khác.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Vụ Khoa học và Công nghệ:

a) Là cơ quan đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất quản lý hoạt động xây dựng tiêu chuẩn; xây dựng và ban hành quy chuẩn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt quy hoạch, kế hoạch năm năm, kế hoạch hằng năm về tiêu chuẩn và quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Tổ chức thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; thẩm tra, trình ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra về hoạt động xây dựng tiêu chuẩn; xây dựng và ban hành quy chuẩn;

đ) Đề xuất phân bổ kinh phí cho hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

e) Đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn thuộc lĩnh vực được phân công.

2. Vụ Pháp chế:

a) Chủ trì tổng hợp kế hoạch ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đưa vào kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật hằng năm của Bộ;

b) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ xây dựng Thông tư của Bộ trưởng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để làm thủ tục ban hành theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra về hoạt động xây dựng tiêu chuẩn; xây dựng và ban hành quy chuẩn;

d) Đầu mối của Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn theo Hiệp định về hành rào kỹ thuật trong thương mại.

3. Các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ:

a) Chỉ định 01 tổ chức trực thuộc làm đầu mối quản lý hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn của đơn vị mình;

b) Theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm đề xuất, tiếp nhận

yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, triển khai xây dựng quy hoạch, kế hoạch năm năm, kế hoạch hằng năm; quản lý công tác xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn thuộc lĩnh vực được phân công.

Đối với các đề xuất xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn từ các tổ chức, cá nhân ngoài Bộ, các Tổng cục, Cục phân công đơn vị trực thuộc tiếp nhận để triển khai xây dựng theo quy định.

c) Đề xuất việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ tiêu chuẩn, quy chuẩn thuộc các lĩnh vực được phân công;

d) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn theo lĩnh vực được phân công;

đ) Cung cấp thông tin liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn theo Hiệp định về hành rào kỹ thuật trong thương mại cho Điểm TBT của Bộ;

e) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Bộ về tình hình và kết quả thực hiện xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn thuộc các lĩnh vực được phân công.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Tổ chức được giao xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Chịu trách nhiệm về mặt nội dung, tiến độ và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Điều 24. Kinh phí

1. Kinh phí cho các hoạt động về công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn bao gồm: lập quy hoạch, kế hoạch, rà soát, chuyển đổi, xây dựng, thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; lập quy hoạch, kế hoạch, rà soát, chuyển đổi, xây dựng, thẩm tra, thẩm định, ban hành, đăng ký, phổ biến áp dụng, kiểm tra và đánh giá quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2. Kinh phí cho các hoạt động về công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn kinh phí khác của Bộ Tài nguyên và Môi trường; các khoản hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Việc sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia từ ngân sách được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn theo quy định.

4. Kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân được quản lý, sử dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định khác có liên quan.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2017.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.
3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời thông tin về Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu sửa đổi./

ch

BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà

PHỤ LỤC 1
QUY HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN), QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (QCVN)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tổng cục, Cục:

QUY HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Lĩnh vực: **Từ năm** **đến năm**

1. Định hướng, chiến lược phát triển chuyên ngành
2. Quan điểm quy hoạch
3. Mục tiêu quy hoạch
 - 3.1. Mục tiêu tổng quát
 - 3.2. Mục tiêu cụ thể
4. Định hướng quy hoạch
5. Quy hoạch xây dựng
 - 5.1. Lĩnh vực cần quy hoạch
 - 5.2. Đối tượng cần xây dựng
 - 5.3. Phương thức xây dựng
 - 5.4. Tổng số TCVN/QCVN cần xây dựng cho từng chuyên ngành, lĩnh vực, đối tượng
 - 5.5. Nguồn lực cho việc thực hiện quy hoạch
 - 5.6. Lộ trình thực hiện quy hoạch
 - 5.7. Bản tổng hợp quy hoạch theo mẫu quy định tại biểu I của Phụ lục này.
6. Các giải pháp thực hiện quy hoạch
7. Các phụ lục kèm theo (nếu có).

Bảng tổng hợp quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn

Từ năm **đến năm**

TT	Chuyên ngành/Lĩnh vực/đối tượng TCVN/QCVN	Tổng số TCVN/QCVN cần xây dựng	Lộ trình thực hiện		Kinh phí dự kiến			Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác	
1	Chuyên ngành A							
1.1	Lĩnh vực...							
1.1.1	Đối tượng....							
2	Chuyên ngành B							
2.1	Lĩnh vực...							
2.1.1	Đối tượng....							
							

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ HÀNG NĂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tổng cục, Cục:

Kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn (TCVN), quy chuẩn (QCVN)

Từ năm đến năm

TT	Chuyên ngành/ Lĩnh vực/ đối tượng cụ thể	Loại TCVN/ QCVN	Số lượng TCVN, QCVN cần xây dựng					Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Ghi chú	
			Tổng số	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Tổng số	NSNN		Nguồn khác
1	Chuyên ngành A											
1.1	Lĩnh vực...											
1.1.1	Đối tượng....											
											
2	Chuyên ngành B											
2.1	Lĩnh vực...											
2.1.1	Đối tượng....											
											

2. Bản thuyết minh kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn (kèm theo kế hoạch)

Nội dung chính của bản thuyết minh bao gồm các mục sau:

- Căn cứ xây dựng kế hoạch 5 năm (phân tích sự liên quan và yêu cầu thực hiện theo quy hoạch phát triển tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu quản lý nhà nước, chương trình quốc gia, văn bản cấp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cam kết quốc tế, khu vực song phương và đa phương, v.v...);
- Mục tiêu;
- Tổng kết, phân tích, đánh giá hiện trạng triển khai, áp dụng hệ thống TCVN/QCVN theo từng lĩnh vực chuyên ngành;
- Phân tích đánh giá hiện trạng về trình độ khoa học và công nghệ của lĩnh vực chuyên ngành;
- Dự báo nhu cầu trong giai đoạn năm năm;
- Giải trình tính cấp thiết và xác định đối tượng cụ thể, loại tiêu chuẩn, quy chuẩn cần xây dựng;

- Dự kiến về khả năng bảo đảm nguồn kinh phí và kinh phí thực hiện;
- Dự kiến thời gian thực hiện;
- Kiến nghị biện pháp thực hiện;
- Các nội dung khác có liên quan;
- Các phụ lục kèm theo (nếu có).

3. Kế hoạch hằng năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn

a) Đánh giá thực hiện kế hoạch năm trước

- Tổng kết, đánh giá thực hiện kế hoạch năm trước
- Nhu cầu cấp thiết xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ tiêu chuẩn, quy chuẩn;

b) Đề xuất kế hoạch hằng năm

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tổng cục, Cục:

Kế hoạch xây dựng Tiêu chuẩn/Quy chuẩn năm... (năm kế hoạch)

TT	Chuyên ngành/Lĩnh vực/đối tượng TCVN/QCVN	Tên TCVN/QCVN	Loại TCVN/QCVN	Tên tổ chức biên soạn	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến			Ghi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác	
1	Chuyên ngành A									
1.1	Lĩnh vực...									
1.1.1	Đối tượng....									
									
2	Chuyên ngành B									
2.1	Lĩnh vực...									
2.1.1	Đối tượng....									
									

c) Dự kiến chương trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng.

Ghi chú: Kế hoạch hằng năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn phải kèm theo Dự án xây dựng TCVN/QCVN cho từng đối tượng hoặc nhóm đối tượng (mẫu tại Phụ lục 3 và 4 ban hành kèm theo Quy chế này).

PHỤ LỤC 3

MẪU DỰ ÁN XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

DỰ ÁN XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

1. Tên tiêu chuẩn:

2. Phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn

3. Tổ chức (hoặc cá nhân) đề nghị

Tên tổ chức (cá nhân).....

Địa chỉ.....

Điện thoại: Fax: E-mail:.....

Tên cơ quan chủ quản: (nếu có).....

4. Tình hình đối tượng tiêu chuẩn trong nước và ngoài nước (giải trình rõ tính cấp thiết)

5. Lý do và mục đích xây dựng TCVN

- Tiêu chuẩn đáp ứng những mục tiêu nào sau đây:

- | | | | |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| + Thông tin, thông hiểu | <input type="checkbox"/> | + Tiết kiệm | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn sức khỏe môi trường | <input type="checkbox"/> | + Giảm chủng loại | <input type="checkbox"/> |
| + Đồi lẩn | <input type="checkbox"/> | + Các mục đích khác (ghi dưới) | <input type="checkbox"/> |
| + Chức năng công dụng chất lượng | <input type="checkbox"/> | | <input type="checkbox"/> |

- Tiêu chuẩn có dùng để chứng nhận không? có không

- Căn cứ

+ Tiêu chuẩn có liên quan đến yêu cầu phát triển KTXH của Nhà nước không?
 có không

+ Thuộc chương trình nào?

+ Yêu cầu hài hòa tiêu chuẩn (quốc tế và khu vực): có không

6. Những vấn đề sẽ xây dựng tiêu chuẩn

- Những vấn đề sẽ xây dựng tiêu chuẩn (hoặc sửa đổi bổ sung):

+ Thuật ngữ và định nghĩa	<input type="checkbox"/>	+ Tiêu chuẩn cơ bản	<input type="checkbox"/>
+ Phân loại	<input type="checkbox"/>	+ Yêu cầu an toàn vệ sinh	<input type="checkbox"/>
+ Ký hiệu	<input type="checkbox"/>	+ Yêu cầu về môi trường	<input type="checkbox"/>
+ Thông số và kích thước cơ bản	<input type="checkbox"/>	+ Lấy mẫu	<input type="checkbox"/>
+ Yêu cầu kỹ thuật	<input type="checkbox"/>	+ Phương pháp thử và kiểm tra	<input type="checkbox"/>
+ Tiêu chuẩn về quá trình	<input type="checkbox"/>	+ Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản	<input type="checkbox"/>
+ Tiêu chuẩn về dịch vụ	<input type="checkbox"/>	+ Các khía cạnh và yêu cầu khác (ghi cụ thể ở dưới):	<input type="checkbox"/>

- **Bố cục, nội dung các phần chính của TCVN dự kiến:**

- Nhu cầu khảo nghiệm tiêu chuẩn trong thực tế: có không
(nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm)

7. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng TCVN

- Phương thức thực hiện:

+ Xây dựng mới	<input type="checkbox"/>	+ Sửa đổi, bổ sung	<input type="checkbox"/>
+ Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế	<input type="checkbox"/>	+ Thay thế	<input type="checkbox"/>

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng TCVN (bản chụp kèm theo)

8. Dự kiến tổ biên soạn tiêu chuẩn:

9. Cơ quan phối hợp

- Tổ chức, cá nhân xây dựng dự thảo đề nghị:
- Ban kỹ thuật tiêu chuẩn có liên quan phải lấy ý kiến:
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải lấy ý kiến:

10. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Biên soạn dự thảo TCVN		
2	Lấy ý kiến		
3	Hội nghị chuyên đề		
4	Hoàn chỉnh dự thảo TCVN và lập Hồ sơ dự thảo TCVN		
5	Thẩm tra Hồ sơ dự thảo TCVN		
6	Gửi hồ sơ dự thảo TCVN để thẩm định		
7	Thẩm định dự thảo TCVN		
8	Lập Hồ sơ TCVN trình duyệt		
9	Trình duyệt và công bố		

11. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí dự kiến: trong đó:

- Ngân sách Nhà nước:
 - Đóng góp của các tổ chức, cá nhân:
- (ghi rõ của tổ chức cá nhân nào, nếu có)
- Nguồn khác:

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện

....., ngày tháng năm 20...

Đơn vị trực thuộc Bộ
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

MẪU DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (QCVN)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường)

DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

1. Tên QCVN:.....

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của QCVN:

2.1. Phạm vi áp dụng:.....

2.2. Đối tượng áp dụng:.....

3. Cơ quan, tổ chức/cá nhân đề nghị

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax: E-mail:.....

Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....

4. Tình hình đối tượng quy chuẩn kỹ thuật trong nước và ngoài nước (giải trình rõ tính cấp thiết)

5. Lý do và mục đích xây dựng QCVN

- QCVN đáp ứng những mục tiêu quản lý nào sau đây:

+ Đảm bảo an toàn + Bảo vệ động, thực vật

+ Đảm bảo vệ sinh, sức khỏe + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

+ Bảo vệ môi trường + Các mục tiêu quản lý khác
(ghi rõ mục tiêu quản lý)

+ Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan:

+ Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên quan đến yêu cầu xây dựng QCVN

+ Yêu cầu hài hòa trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực: nêu rõ các cam kết, thỏa thuận mà Việt Nam đã ký kết liên quan đến yêu cầu xây dựng QCVN

+ Các yêu cầu quản lý khác:

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

+ Quy chuẩn kỹ thuật an toàn

+ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường

+ Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình

+ Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ

+ Quy chuẩn kỹ thuật khác

7. Những vấn đề sẽ quy định trong QCVN

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc soát xét):

+ Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho lĩnh vực quản lý + An toàn thuốc bảo vệ thực vật

+ Quy định về kỹ thuật và quản lý + An toàn thuốc thú y

lý kỹ thuật cho nhóm sản phẩm,
dịch vụ, quá trình

- | | | | |
|-------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| + An toàn sinh học | <input type="checkbox"/> | + An toàn chế phẩm sinh học và hóa chất dùng cho động thực vật | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn cháy nổ | <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về chất lượng môi trường xung quanh | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn cơ học | <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về chất thải | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn công nghiệp | <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn xây dựng | <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn hóa học | <input type="checkbox"/> | + An toàn, vệ sinh trong dịch vụ kinh doanh, thương mại | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn điện | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ bưu chính viễn thông | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn thiết bị y tế | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ xây dựng | <input type="checkbox"/> |
| + Tương thích điện từ trường | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ khoa học, giáo dục | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn bức xạ và hạt nhân | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn vệ sinh thực phẩm | <input type="checkbox"/> | + An toàn vệ sinh trong dịch vụ du lịch | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn dược phẩm | <input type="checkbox"/> | + An toàn vệ sinh trong dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn mỹ phẩm | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ vận tải | <input type="checkbox"/> |
| + Vệ sinh an toàn thức ăn chăn nuôi | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ môi trường | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn phân bón | <input type="checkbox"/> | + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác (liệt kê cụ thể) | <input type="checkbox"/> |

- Bố cục, nội dung các phần chính của QCVN (dự kiến):

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: có không

(Nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm)

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng QCVN

- Phương thức thực hiện:

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác

+ Xây dựng QCVN kết hợp cả tiêu chuẩn và các tài liệu khác

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng QCVN (*bản sao kèm theo*):

9. Ban soạn thảo QCVN

- Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo QCVN
(*tên cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo QCVN*)
- Ban soạn thảo QCVN
(*dự kiến thành viên Ban soạn thảo*)

10. Cơ quan phối hợp xây dựng QCVN

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo QCVN:
- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo QCVN:
- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo QCVN:

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCVN		
2	Biên soạn dự thảo QCVN: - lấy ý kiến chuyên gia, - khảo nghiệm dự thảo, - hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCVN		
3	Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi		
4	Tổ chức Hội nghị chuyên đề		
5	Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt		
6	Thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt		
7	Ban hành QCVN		

12. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí dự kiến: trong đó:

- Ngân sách Nhà nước:
- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân:.....

(*ghi rõ của tổ chức cá nhân nào, nếu có*)

- Nguồn khác:

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: Theo quy định hiện hành (*Thông tư liên tịch 145/2009/TTLT-BTC-BKHCN ngày 17/7/2009*)

....., ngày tháng năm 200...

Tổng cục, Cục chuyên ngành
(*Ký tên, đóng dấu*)

PHỤ LỤC 5
HƯỚNG DẪN VIẾT THUYẾT MINH DỰ THẢO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA
(TCVN) VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (QCVN)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 386/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Khái niệm

Thuyết minh dự thảo TCVN/QCVN là tài liệu giải thích về nội dung, mục đích, ý nghĩa thực tiễn, tính khả thi của TCVN/QCVN nhằm tạo điều kiện cho việc đánh giá, thẩm định một cách xác đáng và trên cơ sở đó cơ quan quản lý có quyết định đúng đắn về việc công bố, ban hành và áp dụng TCVN/QCVN.

Thuyết minh dự thảo TCVN/QCVN cũng là tài liệu giúp người sử dụng nghiên cứu và hiểu rõ về các nội dung của TCVN/QCVN sau khi được ban hành.

2. Nội dung chính của Thuyết minh dự thảo TCVN/QCVN

2.1. Tên TCVN/QCVN

2.2. Tình hình liên quan tới TCVN/QCVN

Tóm tắt đặc điểm, tình hình đối tượng trong công việc quản lý của Bộ, ngành; ý nghĩa thực tiễn và mục đích xây dựng TCVN/QCVN (nếu được tính cấp thiết xây dựng TCVN/QCVN).

2.3. Căn cứ xây dựng TCVN/QCVN

- Tổng hợp các văn bản pháp lý làm cơ sở cho việc xây dựng TCVN/QCVN
- Lựa chọn các tài liệu làm cơ sở cho việc biên soạn các yêu cầu kỹ thuật, các phương pháp thử tương ứng.

2.4. Tóm tắt nội dung của TCVN/QCVN

Tóm tắt các nội dung chính (hoặc nhóm nội dung) của TCVN/QCVN; tương ứng với mỗi nội dung chính (hoặc nhóm nội dung) cần nêu rõ sự gắn kết với các mục tiêu quản lý.

2.5. Đối chiếu nội dung TCVN/QCVN với các tài liệu tham khảo

Trình bày bảng đối chiếu nội dung, những điểm sửa đổi, bổ sung về nội dung của TCVN/QCVN với các tài liệu tham khảo (các tiêu chuẩn quốc tế, tài liệu kỹ thuật, các kết quả nghiên cứu đã được sử dụng làm cơ sở cho việc biên soạn TCVN/QCVN).

Nêu những điểm hạn chế về nội dung trong dự thảo TCVN/QCVN.

2.6. Hiệu quả dự kiến của việc áp dụng TCVN/QCVN

Nêu những hiệu quả kinh tế và xã hội mang lại khi áp dụng TCVN/QCVN vào thực tiễn.

PHỤ LỤC 6
PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẢO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA
(TCVN) VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (QCVN)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Tên dự thảo TCVN/QCVN:

Đơn vị chủ trì biên soạn:

Họ tên người nhận xét đánh giá:

Cơ quan:

Chức danh khoa học:

1. Nội dung nhận xét đánh giá

1.1. Về phạm vi và nội dung:

(đánh giá sự tương xứng giữa các yêu cầu kỹ thuật và mục tiêu quản lý Nhà nước đối với đối tượng đang xem xét)

1.2. Hồ sơ thẩm tra TCVN/QCVN

(đánh giá tính đầy đủ và đúng thủ tục của hồ sơ)

1.3. Căn cứ của các yêu cầu kỹ thuật:

(đánh giá tính phù hợp của các căn cứ dùng để xây dựng các quy định kỹ thuật; tính phù hợp của tài liệu viện dẫn)

1.4. Sự phù hợp với thực tế:

(chỉ rõ các yêu cầu kỹ thuật, quy định không phù hợp với thực tế nếu có)

1.5. Các khó khăn gặp phải khi áp dụng TCVN/QCVN

(Nhận xét về tính khả thi của dự thảo TCVN/QCVN trong điều kiện Việt Nam)

2. Các yêu cầu kỹ thuật cần sửa đổi, bổ sung

(Liệt kê chi tiết cùng với lý do và giải pháp đề xuất)

3. Kết luận

- Nhất trí/Không nhất trí. Kiến nghị hoàn chỉnh dự thảo TCVN/QCVN để thẩm định, ban hành, công bố.

(Nếu không nhất trí, đề xuất giải pháp hiệu chỉnh dự thảo để có thể ban hành, công bố; hoặc hướng triển khai tiếp theo)

.....
.....

....., ngày tháng năm
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 7
BIÊN BẢN THẨM TRA HỒ SƠ DỰ THẢO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN)
VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (QCVN)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3076/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔ THẨM TRA TCVN/QCVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

BIÊN BẢN
THẨM TRA HỒ SƠ DỰ THẢO TCVN/QCVN

I. Thông tin chung

1. Tên TCVN/QCVN:
2. Đơn vị chủ trì biên soạn:
3. Thời gian họp thẩm tra:
4. Địa điểm họp thẩm tra:
5. Thành phần tổ thẩm tra:

II. Kết quả thẩm tra

1. Tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ dự thảo TCVN/QCVN
2. Tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục xây dựng TCVN/QCVN
3. Tuân thủ các yêu cầu nghiệp vụ xây dựng TCVN/QCVN
 - Tuân thủ bố cục về nội dung
 - Tuân thủ về thể thức trình bày
4. Sự phù hợp của các căn cứ kỹ thuật, tài liệu viện dẫn
 - Sự phù hợp của các căn cứ dùng để xây dựng các quy định kỹ thuật
 - Sự phù hợp của tài liệu viện dẫn
5. Đánh giá khả năng áp dụng TCVN/ QCVN
 - Sự phù hợp với thực tế
 - Các khó khăn gặp phải khi áp dụng TCVN/QCVN
6. Đề nghị chỉnh sửa, ý kiến khác
7. Kết luận thẩm tra

THƯ KÝ

TM. TỔ THẨM TRA
TỔ TRƯỞNG

PHỤ LỤC 8

TRÌNH BÀY VÀ THỂ HIỆN NỘI DUNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. 2. Bố cục quy chuẩn

Bố cục của quy chuẩn bao gồm những phần chính sau:

1. Phần quy định chung

- Phạm vi điều chỉnh;
- Đối tượng áp dụng;
- Giải thích từ ngữ (nếu có).

2. Phần quy định về kỹ thuật

Phần này viện dẫn tiêu chuẩn hoặc đưa ra các quy định kỹ thuật cụ thể về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật mà đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật phải tuân theo để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác.

Các yêu cầu kỹ thuật được quy định phải đánh giá được bằng các phương pháp và phương tiện hiện có ở trong nước hoặc nước ngoài.

3. Phần quy định về quản lý

Phần này thể hiện cụ thể phương thức quản lý thích hợp đối với đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật như sau:

- Quy định về chứng nhận hợp quy (nêu rõ phương thức đánh giá sự phù hợp được lựa chọn theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các quy định có liên quan khác);

- Quy định về công bố hợp quy (nêu rõ cơ sở để công bố hợp quy là kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận, phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc được công nhận hay là kết quả tự đánh giá của chính tổ chức thực hiện việc công bố);

- Phương thức kiểm tra;

- Quy định các hình thức quản lý khác (ví dụ: quy định về việc ghi nhãn, kiểm tra trên thị trường,...);

- Phương pháp thử, phương pháp lấy mẫu;

- Các nội dung thích hợp khác.

4. Các quy định quản lý khác có liên quan (các điều kiện đặc thù liên quan đến áp dụng, vận hành,... đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu khác)

5. Phần quy định về giám sát và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành

6. Phần trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

7. Phần quy định về tổ chức thực hiện

8. Các phụ lục (nếu có).

Tùy theo đối tượng quy chuẩn và yêu cầu quản lý, nội dung của quy chuẩn có thể bao gồm tất cả các mục trên, giảm bớt hoặc bổ sung cho phù hợp.

3. Trình bày quy chuẩn

Việc trình bày quy chuẩn phải đảm bảo tính hệ thống, hiệu lực pháp lý và không được trái với văn bản pháp luật liên quan. Ngôn ngữ của quy chuẩn phải nhất quán, chính xác, phổ thông; cách diễn đạt phải đơn giản, dễ hiểu. Các thuật ngữ chuyên môn cần xác định rõ nội dung phải được định nghĩa trong văn bản.

3.1. Trang bìa quy chuẩn

Quy chuẩn phải có trang bìa trước và trang bìa sau.

Mẫu trình bày trang bìa quy chuẩn quy định chi tiết tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Quy chế này.

Trang bìa sau của quy chuẩn là trang thể hiện lời nói đầu trong đó ghi rõ tổ chức biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan trình duyệt và cơ quan ban hành quy chuẩn, số Thông tư, ngày, tháng, năm ban hành quy chuẩn và các nội dung khác có liên quan đến việc xây dựng và ban hành quy chuẩn (ví dụ về thể hiện lời nói đầu tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Quy chế này).

3.2. Phần trống đầu trang (header) của các trang nội dung quy chuẩn (trừ trang 3) in ký hiệu đầy đủ của quy chuẩn tại vị trí phía bên phải của trang đối với các trang lẻ và phía bên trái của trang đối với các trang chẵn. Kiểu chữ của ký hiệu in hoa, in đậm theo phong chữ Arial, cỡ chữ 12 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode).

3.3. Nguyên tắc đánh số thứ tự các hạng mục nội dung của quy chuẩn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 12 năm 2011.

3.4. Phần nội dung (bản văn) của quy chuẩn được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ thực hiện theo phong chữ Arial, cỡ chữ từ 12 đến 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode); khi xuống dòng, chữ đầu dòng có thể lùi vào từ 1 cm đến 1,27 cm (1 default tab); khoảng cách giữa các đoạn văn (paragraph) đặt tối thiểu là 6 pt; khoảng cách giữa các dòng hay cách dòng (line spacing) chọn tối thiểu từ cách dòng đơn (single line spacing) hoặc từ 15 pt (exactly line spacing) trở lên.

3.5. Số trang quy chuẩn được tính từ trang bìa trước cho đến trang cuối cùng của quy chuẩn. Số trang quy chuẩn được in trên từng trang của quy chuẩn tại chính giữa phần cuối trang giấy, trừ trang bìa.

3.6. Ký hiệu và số hiệu quy chuẩn được in trên từng trang của quy chuẩn ở góc ngoài phía mở của trang.

3.7. Khi thể hiện nội dung quy chuẩn, tham khảo các hướng dẫn quy định trong tiêu chuẩn TCVN 1-2:2008

PHỤ LỤC 9

TRÌNH BÀY TRANG BÌA VÀ TRANG 2 CỦA QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Mẫu trang bìa Quy chuẩn

Ví dụ quy chuẩn về do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành năm theo quy định tại mẫu 1 của Phụ lục này

Mẫu 1

(1)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2)
QCVN ... : 20.../BTNMT (3)
QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (4)
..... (5)
..... (6).
HÀ NỘI - 20.... (7)

Chú thích Mẫu 1:

(1)	Quốc huy nước CHXHCN Việt Nam Hình khối vuông, mỗi cạnh 3 cm.
(2)	Dòng chữ “Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam” Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), không in đậm
(3)	Ký hiệu đầy đủ của quy chuẩn Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
(4)	Dòng chữ “Quy chuẩn” Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm

(5)	Tên của quy chuẩn bằng tiếng Việt Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
(6)	Tên đầy đủ của quy chuẩn bằng tiếng Anh tương ứng với phần tiếng Việt tại mục (4) và Mục (5) Kiểu chữ in thường theo phông chữ Arial, cỡ chữ 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in nghiêng, đậm
(7)	Địa điểm và năm ban hành quy chuẩn Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 12 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm

3. Ví dụ về thể hiện lời nói đầu của quy chuẩn

Lời nói đầu

- QCVN.....:20.../BTNMT do (Tên đơn vị) biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và được ban hành theo Thông tư số ../20.../TT-BTNMT ngày ...tháng ...năm 20...của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác liên quan đến việc xây dựng và ban hành quy chuẩn nếu thấy cần thiết

PHỤ LỤC 10

MẪU BẢN ĐĂNG KÝ QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản đăng ký quy chuẩn

Số:.... (số thứ tự đăng ký/năm đăng ký)

1.	Tên cơ quan ban hành quy chuẩn: BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
2.	Số Thông tư, ngày ban hành:
3.	Ký hiệu quy chuẩn:
4.	Lần ban hành, soát xét, sửa đổi (nếu có):
5.	Tên gọi quy chuẩn:
6.	Phạm vi, đối tượng điều chỉnh:
7.	Tóm tắt nội dung:
8.	Số trang:
9.	Thời gian có hiệu lực:

....., ngày.....tháng.....năm.....
Tổng cục, Cục chuyên ngành
(Ký tên, ghi rõ họ và tên, chức vụ,
đóng dấu)